

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐỨC LINH
TỈNH BÌNH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 82/2023/DS-ST

Ngày: 21-9-2023

V/v: “Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC LINH, TỈNH BÌNH THUẬN**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Mai Thuận.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hồ Văn Sơn và bà Nguyễn Thị Bình.

Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Ông Bùi Chí Bảo – Thư ký Toà án nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hồng – Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Đức Linh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 142/2023/TLST-DS ngày 20 tháng 6 năm 2023, về việc: “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 195/2023/QĐXXST-DS ngày 13 tháng 8 năm 2023, Quyết định hoãn phiên tòa số 125/2023/QĐST-DS ngày 31 tháng 8 năm 2023 và Thông báo số 99/TB-TAĐL ngày 07 tháng 9 năm 2023 của Toà án nhân dân huyện Đức Linh, giữa các bên đương sự:

- ***N đơn:*** Bà Hoàng Ngọc Minh N, sinh năm 1987.

Nơi cư trú: Số 92 Quỳnh Lưu, khu phố 7, phường Phước Hội, thị xã lg, tỉnh Bình Thuận.

- ***Bị đơn:*** Ông Nguyễn Tiến D, sinh năm 1989.

Nơi cư trú: Khu phố 7, thị trấn Vx, huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận.

- ***Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:***

1/ Ông Nguyễn Xuân H, sinh năm 1976;

Nơi cư trú: Số 92 Quỳnh Lưu, khu phố 7, phường Phước Hội, thị xã lg, tỉnh Bình Thuận.

2/ Bà Trần Thị Kim Loan, sinh năm 1991;

Nơi cư trú: Khu phố 7, thị trấn Vx, huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận.

- Người đại diện theo ủy quyền của N đơn và ông Nguyễn Xuân H: Ông Phan Thanh Hưng, sinh năm 1987; nơi cư trú: Thôn Phước Thọ, xã Tân Phước, thị xã lg, tỉnh Bình Thuận.

Tại phiên tòa, có mặt ông Phan Thanh Hưng, ông Nguyễn Tiến D; vắng mặt bà Trần Thị Kim Loan.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, N đơn trình bày:

Xuất phát từ mối quan hệ đồng nghiệp tại Ngân hàng Sacombank; từ đầu năm 2022, bà N có cho ông D vay tiền nhiều lần, có vay có trả; đến ngày 01/01/2023, hai bên kết lại số tiền nợ và ông Nguyễn Tiến D viết giấy vay bà N số tiền 2.900.000.000 đồng (Hai tỷ chín trăm triệu đồng) để kinh doanh bất động sản, lãi suất vay 1,5%/tháng, thời hạn vay không xác định. Khi vay tiền, ông D có viết giấy xác nhận nợ và cam kết trả nợ khi bà N có yêu cầu.

Đến ngày 19/01/2023, ông D đã trả cho bà N được số tiền 300.000.000 đồng (Ba trăm triệu đồng) tiền nợ gốc, còn nợ lại số tiền 2.600.000.000 đồng (Hai tỷ sáu trăm triệu đồng). Riêng tiền lãi thì từ ngày vay đến nay ông D chưa trả được đồng nào.

Do có nhu cầu thu hồi số tiền nợ nói trên nên ngày 18/5/2023, bà N đã gửi thông báo bằng văn bản yêu cầu ông Nguyễn Tiến D thực hiện nghĩa vụ trả cho bà N số tiền nợ gốc là 2.600.000.000 đồng (Hai tỷ sáu trăm triệu đồng) và tiền lãi vay tạm tính là 222.550.000 đồng (Hai trăm hai mươi hai triệu năm trăm năm mươi nghìn đồng). Thời hạn trả nợ ấn định từ ngày 20/05/2023 đến hết ngày 31/5/2023. Thông báo thực hiện nghĩa vụ trả nợ được bà N gửi bằng hình thức chuyển phát không có báo phát. Tuy nhiên đến nay, ông D vẫn chưa trả nợ cho bà N.

Mặc dù quá trình giao dịch vay tiền chỉ có bà N và ông Nguyễn Tiến D tham gia nhưng số tiền mà bà N sử dụng để cho ông D vay là tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân giữa bà N và ông Nguyễn Xuân H. Khoản tiền vay của ông D sử dụng để đầu tư bất động sản kiếm lời, phát sinh trong thời kỳ hôn nhân của ông D và bà Trần Thị Kim Loan nên đây là nghĩa vụ chung của vợ chồng.

Vì vậy, trong đơn khởi kiện bà N đề nghị Tòa án huyện D Linh, tỉnh Bình Thuận giải quyết cho buộc vợ chồng ông Nguyễn Tiến D, bà Trần Thị Kim Loan pH có nghĩa vụ liên đới trả cho bà N và ông Nguyễn Xuân H số tiền 2.813.000.000 đồng (Hai tỷ tám trăm mười ba triệu đồng), trong đó bao gồm: 2.600.000.000 đồng tiền nợ gốc, 195.000.000 đồng tiền lãi vay và 18.000.000 đồng tiền lãi nợ quá hạn tạm tính).

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn trình bày:

Ông Nguyễn Tiến D xác nhận có nợ vợ chồng bà Hoàng Ngọc Minh N số tiền 2.600.000.000 đồng vào ngày 01/01/2023. Mục đích: Kinh doanh bất động sản ở xã D Hạnh. Nguồn gốc số tiền này là do trong năm 2022 (khoảng tháng 4/2022), giữa ông D và bà N có quan hệ đồng nghiệp, ông D đã nhiều lần mượn tiền của bà N. Số tiền nợ này do cá nhân ông D vay, vợ ông D không biết. Hiện tại tình hình kinh doanh khó khăn, ông D yêu cầu được chấm dứt tiền lãi, để ông D thanh toán số tiền

gốc còn lại cho bà N là 2.600.000.000 đồng, còn số tiền lãi còn lại của bà N, ông D không đồng ý trả.

Quá trình giải quyết vụ án, bà Trần Thị Kim Loan trình bày: Khoản nợ 2.600.000.000 đồng giữa chồng bà Loan là ông D với bà Hoàng Ngọc Minh N thì bà Loan không biết và bà Loan cũng không biết thời gian vay, mục đích sử dụng, còn việc ông D khai sử dụng số tiền trên vào việc mua bất động sản thì bà Loan không biết. Việc bà N buộc bà Loan và ông D liên đới trả số tiền 2.600.000.000 đồng và tiền lãi 222.550.000 đồng thì bà Loan không đồng ý vì việc nợ này là ông D sử dụng vào mục đích cá nhân, không thông báo cho bà Loan biết.

Quá trình giải quyết vụ án, ông Trần Xuân H trình bày:

Ông Nguyễn Xuân H là chồng của bà Hoàng Ngọc Minh N.

Theo ông H được biết, ông Nguyễn Tiến D (bị đơn) trước đây là đồng nghiệp của bà N cùng làm việc tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín (Sacombank). Trong quá trình làm việc, bà N có cho ông D vay tiền để đầu tư bất động sản. Việc vay tiền giữa hai bên thì ông H không trực tiếp tham gia nhưng ông H có biết do bà N trao đổi với ông H. Tổng số tiền mà bà N cho ông D vay là 2.900.000.000 đồng (Hai tỷ chín trăm triệu đồng). Số tiền nợ này ông D đã trả được 300.000.000 đồng (Ba trăm triệu đồng), còn lại 2.600.000.000 đồng đến nay chưa trả. Để có tiền cho ông D vay, bà N cũng đã vay mượn tiền nhiều nơi với lãi suất cao. Bà N đã nhiều lần liên lạc yêu cầu ông D thực hiện nghĩa vụ nhưng ông D lẩn tránh. Vợ chồng bà N, ông H phải gồng gánh tiền lãi trong thời gian dài, bán nhiều tài sản để trả cho các chủ nợ nhưng đến nay vẫn chưa trả hết.

Nay bà N khởi kiện yêu cầu vợ chồng ông D, bà Kim Loan phải trả nợ cho vợ chồng ông H, bà N là đúng. Ông H đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Hoàng Ngọc Minh N.

Tại phiên tòa:

Người đại diện theo ủy quyền của N đơn vẫn giữ N yêu cầu khởi kiện về việc yêu cầu ông Nguyễn Tiến D và bà Trần Thị Kim Loan có nghĩa vụ thanh toán số tiền nợ gốc là 2.600.000.000 đồng và tiền lãi tính từ ngày 20/01/2023 đến ngày 20/9/2023 với mức lãi suất 1%/tháng; trường hợp Hội đồng xét xử chấp nhận tuyên ông D và Loan có nghĩa vụ liên đới trả nợ cho vợ chồng bà N thì phía N đơn chấp nhận cho vợ chồng ông D, bà Loan tiền lãi phát sinh, không yêu cầu trả lãi nữa. Tuy nhiên, N đơn yêu cầu ông D và bà Loan tiếp tục chịu lãi theo quy định.

Bị đơn Nguyễn Tiến D đồng ý trả cho vợ chồng Hoàng Ngọc Minh N và Nguyễn Xuân H số tiền 2.600.000.000 đồng, nhưng không đồng ý trả tiền lãi.

Đại diện theo ủy quyền của ông H thống nhất với yêu cầu của N đơn.

Phát biểu của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện D Linh tại phiên tòa:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Thư ký Tòa án và Hội đồng xét xử trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án đã thực hiện đầy đủ trình tự thủ tục tố tụng được pháp luật quy định tại Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Các đương sự đã thực hiện quyền, nghĩa vụ đúng quy định tại các Điều 70, 71, 72, 73 của Bộ luật Tố

tụng dân sự. Riêng bà Trần Thị Kim Loan chưa thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại Điều 73 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Qua nghiên cứu xem xét các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của các bên đương sự tại phiên tòa hôm nay, xét thấy việc N đơn khởi kiện là hoàn toàn có cơ sở. Đề nghị Hội đồng xét xử buộc ông Nguyễn Tiến D và bà Trần Thị Kim Loan có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Hoàng Ngọc Minh N, ông Nguyễn Xuân H số tiền nợ vay gốc là 2.600.000.000 đồng; ghi nhận ý kiến của bị đơn về việc không yêu cầu trả tiền lãi phát sinh và đình chỉ giải quyết đối với phần lãi suất.

Về án phí: Buộc ông D và bà Loan PH chịu án phí theo quy định.

(Có bài phát biểu kèm theo)

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

N đơn khởi kiện tranh chấp hợp đồng vay tài sản đối với bị đơn; bị đơn có nơi đăng ký hộ khẩu thường trú tại thị trấn Vx, huyện D Linh, tỉnh Bình Thuận

Căn cứ các Điều 463 của Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử xác định đây là vụ án tranh chấp hợp đồng vay tài sản thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện D Linh, tỉnh Bình Thuận.

[2] Về tố tụng: Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Trần Thị Kim Loan đã được tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt và không có đơn xin xét xử vắng mặt.

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, Tòa án nhân dân huyện D Linh xét xử vắng mặt bà Trần Thị Kim Loan.

[3] Về chứng cứ: Tại phiên tòa, các bên đương sự không nộp tài liệu, chứng cứ mới để bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của mình. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ tài liệu, chứng cứ mà đương sự đã giao nộp có trong hồ sơ vụ án và Tòa án đã thu thập được theo khoản 1 Điều 96 của Bộ luật Tố tụng dân sự để xét xử vụ án.

[4] Về nội dung: Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và do các đương sự cung cấp tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định nội dung vụ án như sau:

[4.1] Về tính pháp lý của giao dịch dân sự:

Tại phiên tòa, Đại diện theo ủy quyền của N đơn và bị đơn đều thừa nhận giao dịch dân sự giữa bà Hoàng Ngọc Minh N và ông Nguyễn Tiến D thể hiện tại tài liệu là giấy xác nhận nợ đề ngày 01/01/2023 là do chính ông D viết và ký tên; bà N thừa nhận vào ngày 19/01/2023, ông D có trả cho bà N số tiền 300.000.000 đồng; đây là

tình tiết, sự kiện pháp lý đã được các bên đương sự thừa nhận nên thuộc trường hợp không pH chứng minh được quy định tại điểm a khoản 1 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Theo nội dung thể hiện trong các tài liệu do N đơn cung cấp và được bị đơn thừa nhận thì có cơ sở xác định đây là hợp đồng vay tài sản, lập thành văn bản, không có thỏa thuận thời hạn vay, có thỏa thuận lãi suất vay và các thỏa thuận khác. Tại thời điểm xác lập giao dịch vay tiền hai bên đều đầy đủ năng lực hành vi dân sự, các thỏa thuận không trái pháp luật, không trái đạo D xã hội; do đó giấy xác nhận nợ đề ngày 01/01/2023 giữa ông D với bà N đảm bảo các quy định tại Điều 117, 118, 119 và 463 của Bộ luật dân sự, nên được pháp luật dân sự bảo vệ.

Căn cứ khoản 2 Điều 469, Điều 429 của Bộ luật dân sự năm 2015, N đơn có quyền khởi kiện bị đơn bất kỳ lúc nào.

[4.2] Về xác định nghĩa vụ trả nợ vay:

Tại Điều 466 của Bộ luật dân sự quy định nghĩa vụ trả nợ của bên vay như sau:

“1. Bên vay tài sản là tiền thì pH trả đủ tiền khi đến hạn; nếu tài sản là vật thì pH trả vật cùng loại đúng số lượng, chất lượng, trừ trường hợp có thỏa thuận khác.”

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn xác nhận có vay của vợ chồng bà N, ông H số tiền 2.600.000.000 đồng và đồng ý trả số tiền nợ trên cho vợ chồng bà N, ông H. Do đó, Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự N của bị đơn. Tuy nhiên, N đơn cho rằng bị đơn vay tiền để phục vụ mục đích kinh doanh trong thời kỳ hôn nhân, nên yêu cầu bị đơn và vợ cùng có nghĩa vụ trả nợ cho vợ chồng N đơn.

Tuy bà Trần Thị Kim Loan không thừa nhận khoản tiền mà bị đơn vay của vợ chồng N đơn, nhưng tại các bản tự khai có trong hồ sơ vụ án, bị đơn D đều thừa nhận mục đích vay tiền của vợ chồng N đơn là để kinh doanh bất động sản ở xã D Hạnh, phù hợp với tài liệu mà Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai D Linh đã cung cấp cho Tòa án (gồm: Phiếu yêu cầu đăng ký thế chấp, Hợp đồng thế chấp, giấy chứng nhận QSD đất số R 450027 và CP 573169) đều đứng tên ông D và bà Loan; mặt khác, bị đơn và bà Loan không cung cấp cho Tòa án văn bản thỏa thuận về việc xác lập chế độ tài sản của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân, do đó theo quy định tại Điều 37 của Luật hôn nhân và gia đình Hội đồng xét xử xác định mục đích vay tiền của bị đơn là phục vụ nhu cầu kinh doanh, nhu cầu thiết yếu của gia đình và ông D, bà Loan có nghĩa vụ chung đối với khoản tiền còn nợ vợ chồng bà N, ông H.

Bà N, ông H khởi kiện yêu cầu ông D, bà Loan có nghĩa vụ liên đới thanh toán khoản nợ vay gốc 2.600.000.000 đồng là có căn cứ chấp nhận.

[4.3] Về lãi suất: Theo giấy xác nhận nợ đề ngày 01/01/2023 thì mức lãi suất do các bên thỏa thuận là 1,5%/tháng, tương đương 18%/năm; mức lãi suất thỏa thuận giữa các bên là phù hợp với quy định tại Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của N đơn yêu cầu ông D và bà Loan trả lãi với mức lãi suất 1%/tháng, tính từ ngày 20/01/2023 đến ngày 20/9/2023, mức lãi

suất mà N đơn yêu cầu là phù hợp với quy định tại Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 và ngày tính lãi suất có lợi cho ông D, bà Loan nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Tuy nhiên, cũng tại phiên tòa đại diện theo ủy quyền của N đơn khai nhận trong trường hợp Hội đồng xét xử tuyên buộc ông D và bà Loan có nghĩa vụ liên đới cho bà N, ông H thì N đơn sẽ chấp nhận cho bị đơn toàn bộ tiền lãi phát sinh và rút lại tranh chấp về lãi suất.

Như đã phân tích tại mục [4.2] nêu trên thì ông D và bà Loan được xác định là có nghĩa vụ liên đới trả nợ cho bà N, ông H; cho nên, ý kiến không yêu cầu trả nợ lãi của đại diện theo ủy quyền của N đơn là có cơ sở, hoàn toàn tự nguyện nên Hội đồng xét xử chấp nhận và đình chỉ giải quyết một phần yêu cầu khởi kiện của N đơn đối với tranh chấp về lãi suất.

Từ những nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử quyết định buộc ông D và bà Loan pH có nghĩa vụ liên đới thanh toán cho bà N và ông H số tiền nợ vay gốc là 2.600.000.000 đồng.

[5] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện được chấp nhận nên N đơn không pH chịu án phí DSST; buộc ông D và bà Loan pH chịu án phí dân sự sơ thẩm theo luật định đối với phần yêu cầu khởi kiện được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm g khoản 1 Điều 40; Điều 92; Điều 93; Điều 95; điểm c khoản 1 Điều 217, khoản 2 Điều 219, Điều 227, Điều 228, Điều 235, khoản 1 Điều 147; Điều 161, Điều 262; Điều 271 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 357, Điều 466, Điều 468 Bộ luật dân sự 2015; Điều 37 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm; Điều 26 của Luật thi hành án dân sự.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của N đơn Hoàng Ngọc Minh N.

Buộc ông Nguyễn Tiến D và bà Trần Thị Kim Loan có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Hoàng Ngọc Minh N và ông Nguyễn Xuân H số tiền 2.600.000.000 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên pH thi hành án còn pH chịu khoản tiền lãi của số tiền còn pH thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng pH phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

2/ Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của N đơn về việc không yêu cầu ông Nguyễn Tiến D và bà Trần Thị Kim Loan pH trả tiền nợ lãi từ ngày 20/01/2023 đến ngày xét xử sơ thẩm.

3/ Về án phí:

- Buộc ông Nguyễn Tiến D và bà Trần Thị Kim Loan phải nộp số tiền 42.000.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm (đã được xét giảm 50% tiền án phí theo đơn xin xác nhận hoàn cảnh kinh tế khó khăn có xác nhận của Ủy ban nhân dân thị trấn Vx, huyện Đức Linh và đơn xin miễn giảm tiền án phí lập vào ngày 05/9/2023). Án phí nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Linh.

- Trả lại cho bà Hoàng Ngọc Minh N số tiền 44.130.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Đức Linh theo biên lai thu tiền số: 0015179 ngày 20 tháng 6 năm 2023.

4/ Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết, để Tòa án cấp trên xét xử theo trình tự phúc thẩm.

5/ Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Đức Linh;
- Chi cục THADS huyện Đức Linh;
- Lưu hồ sơ vụ án, tập án văn;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Mai Thuận